

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	P5+TD5	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
2	846	TD3+VSP02+RP1	7:25	17+4+0	0+0+0		15+1+6	0+0+0	
3	420	P1	7:25	22	0		22	0	
4	426	P2+P4	7:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
5	410	BK5+TD3	9:25	4+14	0+0		4+18	0+0	trans 4 pax BK5-TD3
6	846	HSD+HST+AMD	9:25	2+0+14	0+0+0		2+2+18	0+0+0	trans 4 pax HST-AMD
7	420	P3+P4	9:25	11+11	0+0		10+12	0+0	TRANS 1 PAX P3-P4
8	426	BK6+P2	9:25	4+16	0+0		4+18	0+0	
9	846	P4+P10+P1	11:25	17+0+4	0+0+0		12+0+10	0+0+0	TRANS 1 PAX P4-P10
10	410	P5	11:25	4+10	0+0		4+21	0+0	
11	420	TGTH4-AMD+TGTH5	11:25	19+1	0+0		20+2	0+0	
12	426	P7+P1	11:25	15+4	0+0		15+7	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ 4 NGUOI ĐH ĐI P1 VỀ TRONG NGÀY 2/ 2 NGUOI TDS VỀ BỜ QUA TD3;



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: P5 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: <del>Hùng</del> - LBinh - Năm - Trương	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN BAC	P5					76	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUANG PHUC	P5	78	1	2	83	50	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TU ANH	P5	75	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI VAN BA	P5	80-81	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN MACH	P5	76	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC THANH	P5	77	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHAI	P5	79	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DUC THUAN	TD5	32	1	7		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HAI	TD5	098	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
10	ZHIGALO V.A	TD5	22	1	10		100	KHOAN	Russian
11	BUI NGOC LAM	TD5	700	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	TD5	23	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN THIEU	TD5	099	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	LUONG VAN LUU	TD5	21	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DAM	TD5	31	1	4	50	86	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM VAN HANH	TD5	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VINH DUY	TD5	24	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	DAO THANH SON	TD5	30	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TAN VINH	TD5	37-38	2	15		80	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN LAM GIANG	TD5	99	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGO THANH SON	TD5	95	1	12		70	DVL	Vietnamese
22	DO THANH HAI	TD5	98	1	5		65	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	7	7	24	478	83	5		
2	TD5	15	16	93	1.092	50	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>117</b>	<b>1.570</b>	<b>133</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>117</b>	<b>1.570</b>	<b>133</b>			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Dec-17	TO: TD3 - VSP02 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - DKHANH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	TD3	83	1	14	30	94	KHOAN	Russian
2	ĐÔNG XUÂN CHIẾN	TD3	700	1	5		61	PSV	Vietnamese
3	LE TRUNG SON	TD3	07	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN BAT	TD3	96	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	98	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN PHUOC	TD3	02	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VIET DUNG	TD3	04	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO TIEN THIET	TD3	1700	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	VU HUNG ANH	TD3	97	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NAM CUONG	TD3	01	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
11	LE MANH THANG	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
12	NGO VAN CHUNG	TD3	99	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
13	BUI THAI QUI	TD3	03	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUYNH TRUNG	TD3	08	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH PHUC AM	TD3	94-95	2	16		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TAT HOA	TD3	06	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN THUAN	TD3	05	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG KHANH	VSP02	31	1	9	35	81	ĐANG KIEM	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG HUY	VSP02	34	1	9		59	ĐANG KIEM	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC ANH	VSP02	30	1	7		75	ĐANG KIEM	Vietnamese
21	PHAM THANH HA	VSP02	32	1	7	37	70	KH-THAC	Vietnamese
22	GEFTMAN M.M	VSP02	29	1	10		102	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	17	122	1.228	30	15		
2	VSP02	5	5	42	387	72	0		
3	RP1	0	0	0	0	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>164</b>	<b>1.615</b>	<b>122</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>164</b>	<b>1.615</b>	<b>122</b>			

GRAND TOAL: 1.901 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - Luy - Huy	ETA: 09:20
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	P1	23	1	4		70	D-HANH	Vietnamese
2	HO NGOC HUNG	P1	25	1	5		80	D-HANH	Vietnamese
3	ZEMLIANOV	P1	22	1	5		80	D-HANH	Russian
4	TRAN KHOA TRUONG	P1	24	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
5	LE CHUNG	P1	08	1	4		55	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THO	P1	13	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TU	P1	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN SI DU	P1	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN THANG	P1	05	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HO HUU CHUNG	P1	20	1	4		53	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN XUAN LANH	P1	19	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	DINH VAN THANG	P1	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG PHUOC	P1	21	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY NGHIEM	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHANH DUY	P1	16	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
16	VI KHAC THANH	P1	10	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DUY KHANH	P1	15	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU VAN TUAN	P1	14	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	LE QUANG TIEN	P1	18	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO ĐANG PHONG	P1	09	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN BA THANH	P1	06	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NONG	P1	17	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	21	110	1.535	0	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>110</b>	<b>1.535</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>110</b>	<b>1.535</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: P2 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HỒI - TUYỀN - HIẾU	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	P2	11	1	5		67	KHI	Vietnamese
2	HUYNH LE THIEN CHINH	P2	12	1	4		71	KHI	Vietnamese
3	XOXJOB AЛЕКСАНДР	P2	13	1	9		96	KH-THAC	Russian
4	HOANG THANH HOA	P2	21	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	23	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT THANH	P2	17-18	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN ĐÔNG	P2	15	1	7	25	81	KH-THAC	Vietnamese
8	LUU VAN TU	P2	19	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG ĐỨC LINH	P2	25	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN TRUNG HIEP	P2	20	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGUYEN HOANG PHUC	P2	22	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC THANG	P2	14	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THAI BAN	P2	16	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VAN QUYEN	P2	24	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MANH HA	P4	602	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHONG	P4					76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY THAI	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG VINH	P4	04	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG HUU HAU	P4	02	1	11	30	85	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THAI SON	P4	03	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VAN HOANG	P4	01	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI MINH TUAN	P4	05	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	15	92	986	25	13		
2	P4	8	6	43	579	30	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>135</b>	<b>1.565</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.565</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Dec-17	TO: BK5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Năm - Truong	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ.	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE NGOC AN	BK5	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRUNG HAU	BK5	85	1	3	50	50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC QUANG	BK5	82	1	4		95	PSV	Vietnamese
5	TRẦN THANH SƠN	TD3	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VAN DUONG	TD3	24	1	10		70	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NAM	TD3	21	1	11		75	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN VAN NAM	TD3	20	1	12		70	DVL	Vietnamese
9	LUONG XUAN ĐUOC	TD3	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUNG	TD3	18	1	3		82	PSV	Vietnamese
11	LIU QUY TRUNG	TD3	19	1	2		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG	TD3	3000	1	4		67	PSV	Vietnamese
13	VUONG ĐỨC HUY	TD3	11	1	8		95	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN THANG	TD3	30	1	5	40	70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TUAN HAI	TD3	12	1	2		60	PSV	Vietnamese
16	PHAM ĐỨC HAU	TD3	16	1	5		55	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LAP	TD3	14	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	PHAN SY CAO	TD3	13	1	5		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	4	17	285	50	4	4	CHUYEN 4 PAX BK5 SANG TD3
2	TD3	14	14	82	974	40	18		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>18</b>	<b>99</b>	<b>1.259</b>	<b>90</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>99</b>	<b>1.259</b>	<b>90</b>			

**GRAND TOAL: 1.448 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: HSD - HST - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - TTrung - DKHÁNH	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUONG THO	HSD	84,93	2	13		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANH	HSD	71,03	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN XUAN THANH	AMD	39	1	4	80	65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SANH	AMD	54	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THE	AMD	47-48	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VAN SAU	AMD	51	1	15		69	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	41	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG LONG	AMD	43-44	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN ĐÔNG	AMD	46	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	38	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUNG	AMD	40	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI BA HUNG	AMD	37	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH SONG	AMD	49	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN ĐỨC QUẢN	AMD	50	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	42	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG DUY	AMD	55	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN THIEN	AMD	45	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGHE	AMD	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC THINH	AMD	53	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	2	4	25	129	0	1		CHUYEN 2 PAX HST SANG AMD
2	HST	0	0	0	0	0	2 + 2		
3	AMD	17	19	123	1.138	80	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>23</b>	<b>148</b>	<b>1.267</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>148</b>	<b>1.267</b>	<b>80</b>			

**GRAND TOAL: 1.495 KGS**

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Nam - DUONG - Luy - Huy	ETA: 11:20
vang-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUU	P3	89	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
2	DO VAN DAM	P3	94	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRUNG CHINH	P3	88	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÔNG VĂN THỊNH	P3	91	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY CONG	P3	95	1	5	13	60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	90	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
7	LAI ĐỨC BAY	P3	85	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	P3	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	92	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LUONG	P3	86	1	6		62	GETRACO	Vietnamese
11	BUI VAN QUOC	P3	87	1	3		55	GETRACO	Vietnamese
12	LE VAN YEN	P4	04	1	5		57	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG NAM	P4	06	1	8		65	KHI	Vietnamese
14	TRẦN BÌNH THUẬN	P4	19	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
15	VU THANG	P4	11	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN NGOC TUAN	P4	09	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NHAN HAI	P4	10	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN KHANH	P4	05	1	5	21	60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P4					63	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VU HONG HA	P4	18	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN KHOAI	P4	07	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN SON	P4	08	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	11	11	59	720	13	10	1	CHUYEN 1 PAX P3 SANG P4
2	P4	11	10	60	734	21	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>119</b>	<b>1.454</b>	<b>34</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>119</b>	<b>1.454</b>	<b>34</b>			

GRAND TOAL: 1.607 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2017	TO: BK6 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỒI - HIẾU	ETA: 11:30
HONG-2			

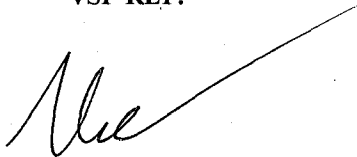
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN HIẾU	BK6	01	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO ĐỨC HÙNG	BK6					56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ TUẤN HÙNG	BK6	03-04	2	10	55	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	02	1	6		64	PSV	Vietnamese
5	K' LING	P2	33	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	39	1	4		45	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HÙNG	P2	40	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG TUẤN KIẾT	P2	38	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC DŨNG	P2	37	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHU HỮU	P2	32	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRÁC ĐỨC HUY	P2	28	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH ĐỨC	P2	34	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI THO DUNG	P2					58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ HOANG NAM	P2	41	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	36	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN PHONG	P2	44-45	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	29	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TÙNG	P2	35	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG VIỆT	P2	43	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MINH	P2	42	1	5		74	XAYLAP	Vietnamese
21	VU VAN NAM	P2	30-31	2	6		59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	4	19	236	55	4		
2	P2	17	18	98	1.117	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>117</b>	<b>1.353</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>117</b>	<b>1.353</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Dec-17	TO: P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Nam - Toan	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG HUNG	P5	92	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	DO XUAN LONG	P5	95	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG CONG ĐANG	P5	88	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HONG HAI	P5	90	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SOAI	P5	93	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VU TRUNG KIEN	P5	94	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	TU VAN SON	P5	89	1	7		78	PSV	Vietnamese
8	ĐAO VAN THANG	P5	87	1	4		54	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN MAI CUONG	P5					61	PSV	Vietnamese
10	ĐAO XUAN THANH	P5	91	1	5		64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	10	9	58	681	0	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>10</b>	<b>9</b>	<b>58</b>	<b>681</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>58</b>	<b>681</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2017	TO: P4 - P10 - P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Khang - TTrung - DKHÁNH	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ DUY TRUNG	P4	62	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	KHUƠNG VAN THẢO	P4	66	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ SY KHOA	P4	57	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HA TAN DUNG	P4	69	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUANG SƠN	P4	67	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO MẠNH DUNG	P4	63	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ HỒNG TRUNG	P4	61	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	64	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOAN HỒNG DƯƠNG	P4	71	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TRẠI	P4	65	1	4		70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG THAI	P4	59	1	8		66	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	P4	60	1	8		75	KHI	Vietnamese
13	ĐOAN MẠNH TOÀN	P4	70	1	3		85	KHI	Vietnamese
14	HUYNH NAM LONG	P4	58	1	7		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	P4	68	1	10		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	75	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	99	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	98	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	97	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG DUC TOANH	P1	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	82	1.050	0	12	1	CHUYEN 1 PAX P4 SANG P10
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	P1	5	5	26	331	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>20</b>	<b>108</b>	<b>1.381</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>108</b>	<b>1.381</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.489 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Dec-17	TO: P7 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỒI - HIẾU	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	91	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG ANH TUAN	P7	79-80	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGHIA TIN	P7	76	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HOAN	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HUU HUNG	P7	89	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN LOI	P7	86-87	2	8	80	65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRONG AN	P7	88	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG VAN QUANG	P7	77	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN THIEN	P7	84	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUOC TUAN	P7	81-82	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN CHUONG	P7	90	1	10		52	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN ĐỨC	P7					72	PSV	Vietnamese
13	BUI ĐẮC CANH	P7	85	1	10		62	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HANH	P7	78	1	9		72	PSV	Vietnamese
15	PHAN VAN AN	P7	83	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	DUONG DUY KHUONG	P1	40	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HUU TRI	P1	39	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MINH THUY	P1	43	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI DOAN BINH	P1	41-42	2	12		72	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	16	102	1.030	80	15		
2	P1	4	5	40	287	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>21</b>	<b>142</b>	<b>1.317</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>142</b>	<b>1.317</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 04-Dec-17	TO: TGTH4 - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Nam - TRƯỜNG - Luy - Vũ	ETA: 13:20
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	51-52	2	9		87	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ XUAN HA	AMD	33	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRỌNG MẠNH	AMD	60	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ TRI HUNG	AMD	32	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI TRUONG GIANG	AMD	62-63	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LA NGOC HOAN	AMD	61	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG ĐỨC HUNG	AMD	57	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI SY QUYEN	AMD	31	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN PHONG	AMD	34	1	9		78	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THI	AMD	65	1	3		62	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN CUONG	AMD	35	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	TRAN CAO TANG	AMD	36	1	6		72	PSV	Vietnamese
13	VU TRỌNG TUAN	AMD	58	1	5		68	PSV	Vietnamese
14	PHAM TUAN THANH	AMD	56	1	8		75	PSV	Vietnamese
15	PHAN VAN HOA	AMD	59	1	3		70	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN TRUNG	AMD	64	1	5		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG HIEU	TGTH5	81-82	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG THANH	TGTH5	77	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	1	2	9	87	0	1		
2	AMD	15	16	104	1.004	0	19		
3	TGTH5	2	3	24	134	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>18</b>	<b>21</b>	<b>137</b>	<b>1.225</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.225</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.362 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN